TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 07/8/2023.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Trường.
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Ngô Văn Tuyển.
Chức vụ: Cán bộ hưu trí xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
2/. Ông Phạm Xuân Vinh.
Chức vụ: Giáo viên hưu trí xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Hoà Bình.
Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*
Bà Bùi Thị Thu Hương. Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 07/8/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 157/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2023. Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20/7/2023.

Giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Trần Thị Đ. Sinh năm: 1992.
Địa chỉ: Thôn 9, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
(Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
- **Bị đơn**: Ông Nịnh Văn C. Sinh năm: 1992.
Địa chỉ: Thôn 9, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2023, bản tự khai ngày 12/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với ông Nịnh Văn C vào đầu năm 2010, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ

cưới theo phong tục tập quán nhưng cho đến ngày 10/4/2012 vợ chồng chúng tôi mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng tôi đã nhiều lần cố gắng vun đắp cuộc sống gia đình nhưng không tiến triển nên đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy tôi có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông Nịnh Văn C.

- Về con chung: Bà Trần Thị Đ xác nhận, trong thời gian chung sống bà và ông C có 02 (hai) con chung, các cháu tên là Nịnh Hiền D, sinh ngày 28/8/2011 và cháu Nịnh Trần Anh N, sinh ngày 04/7/2013.

Bà Đ có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nịnh Hiền D và cháu Nịnh Trần Anh N cho đến khi 02 cháu D và N đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đ không yêu cầu ông Nịnh Văn C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con: Bà Đ xác nhận, hiện nay bà Đ đang làm công nhân tại Công ty TNHH GỖ PENG RUN tại khu công nghiệp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, mức thu nhập 10.000.000 đồng/1 tháng, nên hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nịnh Văn C đã được Tòa án niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông C đều vắng mặt tất cả các buổi làm việc mà không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông C.

Ngày 20/7/2023 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc mở phiên tòa xét xử vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện của mình và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, bị đơn ông Nịnh Văn C vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nịnh Văn C vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và

Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử;

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Đ, cho bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Nịnh Văn C.

- Về con chung: Áp dụng vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Giao các con chung là cháu Nịnh Hiền D, sinh ngày 28/8/2011 và cháu Nịnh Trần Anh N, sinh ngày 04/7/2013 cho bà Trần Thị Đ trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu 02 cháu D và N đủ 18 tuổi.

Ông Nịnh Văn C được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu ông Nịnh Văn C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của bà Trần Thị Đ, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn bà Trần Thị Đ và bị đơn ông Nịnh Văn C. Tuy nhiên, bà Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nịnh Văn C không tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Trần Thị Đ và bị đơn ông Nịnh Văn C.

- Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Nịnh Văn C quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào đầu năm 2010, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng cho đến ngày 10/4/2012 bà Đ, ông C mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/2012, quyển số 02/2011. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông C là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến cuối năm 2022

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù bà Đ, ông C đã nhiều lần cố gắng vun đắp cuộc sống gia đình nhưng không tiến triển nên đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Qua xác minh, làm việc với ban tự quản thôn 9, xã V, huyện K đã xác định: Vợ chồng Bà Trần Thị Đ, ông Nịnh Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 9, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà Đ, ông C xây dựng gia đình vào đầu năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống cho đến cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì ban tự quản không được biết. Ban tự quản chỉ biết vợ chồng Bà Đ, ông C đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau. Việc chăm sóc các con chung giữa Bà Đ và ông C là do bà Đ tự xắp xếp, hàng tháng Bà Đ đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương đều gửi tiền về cho người thân trong gia đình để lo việc ăn học cho các con chung, mức thu nhập thực tế của bà Đ như thế nào ban tự quản thôn 9 không được biết, còn đối với ông C đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 5/2023 cho đến nay, ban tự quản không biết ông C đi đâu, làm gì, mức thu nhập cụ thể như thế nào.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà Đ, ông C đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Đ có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông Nịnh Văn C, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Nịnh Văn C.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà Đ, ông C có 02 (hai) con chung, các cháu tên là Nịnh Hiền D, sinh ngày 28/8/2011 và cháu Nịnh Trần Anh N, sinh ngày 04/7/2013.

Bà Đ có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án ông C không tham gia tố tụng tại Tòa án nên không xác định được nguyện vọng và yêu cầu của ông C về con chung.

Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao các con chung là Nịnh Hiền D, sinh ngày 28/8/2011 và cháu Nịnh Trần Anh N, sinh ngày 04/7/2013 cho bà Trần Thị Đ trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu D và N đủ 18 tuổi là hoàn toàn thỏa đáng, đúng quy định của pháp luật và đúng theo nguyện vọng của hai

cháu D và N.

Ông Nịnh Văn C được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu ông Nịnh Văn C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Trần Thị Đ là người đồng bào dân tộc thiểu số (Dân tộc Cao Lan) cư trú ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Nịnh Văn C.

[2] Về con chung: Giao các con chung là Nịnh Hiền D, sinh ngày 28/8/2011 và cháu Nịnh Trần Anh N, sinh ngày 04/7/2013 cho bà Trần Thị Đ trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu D và N đủ 18 tuổi.

Ông Nịnh Văn C được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu ông Nịnh Văn C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] **Về án phí**: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Trần Thị Đ là người đồng bào dân tộc thiểu số (Dân tộc Cao Lan) cư trú ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn

nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trần Thị Đ, bị đơn ông Nịnh Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Trường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Các đương sự;
- UBND xã V huyện Krông Pắc.
- Lưu hồ sơ vụ án.